TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09**/2019/HS-ST
Ngày: 24/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươnne.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Đào – Kiểm sát viên

Trong ngày 24/7/2019, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn T**, sinh ngày: 20/5/1991 (nam); Nơi ĐKHKTT: ấp Số X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp Số X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Con ông: Trương Văn H, sinh năm 1961; Con bà: Dương Thị S, sinh năm 1966, ngụ cùng địa chỉ với bị cáo; Anh, chị em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại.

(bị cáo T có mặt)

* Bị hại:

Công an huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông **Võ Quốc T**, sinh năm 1980, chức vụ: Thiếu tá, Đội trưởng Đội CSGT-TT-CĐ Công an huyện K, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

* Người làm chứng:

- Bà **Dương Thị S**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Số X1, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông **Võ Văn T1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp X2, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 27/02/2019 Tổ tuần tra Cơ quan Cảnh sát Giao thông đường bộ Công an huyện K đóng chốt kiểm tra hành chính tại Công an xã K, huyện K phát hiện bị cáo Trương Văn T điều khiển xe mô tô với tốc độc cao nên ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra nhưng bị cáo T không chấp hành mà tiếp tục điều khiển xe chạy về hướng xã K. Tổ tuần tra phát hiện được xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh - đen - bạc biển số 83C1-XXX.XXvà đuổi theo, khi chạy được khoảng 800m, bị cáo T dừng xe rồi dắt xe vào nhà của ông Trương Hoàng G (chú của T) ngụ ấp C, xã K rồi đóng cửa lại. Sau đó, Tổ tuần tra tiến hành lập biên bản, tạm giữ xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh - đen - bạc biển số 83C1-XXX.XXvà đem về trụ sở Công an huyện K tại ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để tạm giữ theo quy định.

Đến khoảng 08 giờ ngày 28/02/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô Elegant màu bạc - đen, biển số 83K1 -YYYY, chở theo mẹ ruột là bà Dương Thị S từ nhà đến Công an huyện K để xin nhận lại chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh - đen - bạc biển số 83C1-XXX.XXcủa bị cáo T bị Tổ tuần tra giao thông thuộc Đội Cảnh sát giao thông - Trật tự - Cơ động Công an huyện K tạm giữ vào ngày 27/02/2019. Khi đến trụ sở Công an huyện K, bị cáo T đậu xe mô tô biển số 83K1-YYYY gần căn tin Công an huyện K, rồi tự ý đi ra phía sau trụ sở Công an huyện K nơi để xe tạm giữ vi phạm giao thông để tìm xe của mình. Lúc này, bị cáo T thấy xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh - đen - bạc biển số 83C1-XXX.XX của mình nên đã tự ý dùng chìa khóa xe mang theo để mở và nổ máy xe, rồi điều khiển xe chạy ra cổng. Tuy nhiên, khi bị cáo T điều khiển xe đến trước phòng xử lý vi phạm hành chính của Đội Cảnh sát giao thông - Trật tự - Cơ động thì bị phát hiện và giữ lại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/BB ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Một xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh - đen - bạc, dung tích: 149 cm^3, số khung 0610HY461098, số máy G3D4E482215, biển số 83C1-XXX.XX, đăng ký lần đầu ngày 14/7/2017 giá trị tài sản còn lại là 84,05%, thành tiền 35.973.400 đồng (ba mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn,bốn trăm đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt của bị hại có có giá trị: 35.973.400 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trương Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKS-HKS ngày 23 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Văn T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trương Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 và điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách đề nghị: Giao trả cho Công an huyện K 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh- đen -bạc, dung tích: 149 cm3, số khung 0610HY461098, số máy G3D4E482215, biển số 83C1-XXX.XXvà 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh – đen – bạc biển số 83C1-XXX.XXđể xử lý theo quy định của pháp luật về hành chính.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công an huyện K không yêu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Bị cáo không có ý kiến tranh tụng và nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kế Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã thống nhất với quyết định tạm giữ và hành vi tạm giữ đối với xe của bị cáo nêu trên của Công an huyện K do vi phạm hành chính, bị cáo T không khiếu nại.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có căn cứ để kết luận bị cáo Trương Văn T đã có hành vi lợi dụng sự sơ hở của người bị hại là Công an huyện K, lén lút chiếm đoạt: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh- đen -bạc, dung tích: 149 cm^3, số khung 0610HY461098, số máy G3D4E482215, biển số 83C1-XXX.XX. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 35.973.400 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền quản lý của người khác (Công an huyện K) được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị án tại địa phương nên phải xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hậu quả vật chất do hành vi của bị cáo chưa xảy ra trên thực tế (chưa dịch chuyển tài sản ra khỏi nơi quản lý của Công an huyện K). Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tỉnh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 điều 51 và điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình và không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo Trương Văn T, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo là hoàn toàn tương ứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, quan điểm về xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bà Dương Thị S là người đi cùng với bị cáo T đến trụ sở Công an huyện Kế Sách để xin nhận lại xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh – đen – bạc biển số 83C1 – XXX.XX nhưng khi đến trụ sở Công an huyện K, bị cáo T tự ý lấy trộm chiếc xe mô tô, bà S không biết nên cơ quan điều tra không yêu cầu xử lý hình sự đối với bà S là có căn cứ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội và hoàn cảnh của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Giao trả cho Công an huyện Kế Sách 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh- đen -bạc, dung tích: 149 cm3, số khung 0610HY461098, số máy G3D4E482215, biển số 83C1-XXX.XX và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô

hiệu Yamaha Exciter màu xanh – đen – bạc biển số 83C1-XXX.XX để xử lý theo quy định của pháp luật về hành chính.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công an huyện K không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 điều 51 và điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Trương Văn T 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Trương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng để giám sát, giáo dục. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Giao trả cho Công an huyện K 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh- đen - bạc, dung tích: 149 cm^3, số khung 0610HY461098, số máy G3D4E482215, biển số 83C1-XXX.XX và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh – đen – bạc biển số 83C1-XXX.XX để xử lý theo quy định của pháp luật về hành chính.

(theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2019).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được T hành tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án,

tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật T hành án dân sự, thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng ;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Công an huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa